SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Thời gian ký: 11/05/2022 14:58:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 883 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 11 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người điều trị Covid-19 (F0) trên địa bàn thành phố Đồng Xoài (đợt 10)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 2880/UBND-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ủy quyền ban hành quyết định hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của UBND thành phố Đồng Xoài tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 802/TTr-SLDTBXH ngày 06 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người điều trị Covid-19 (F0) tập trung trên địa bàn thành phố Đồng Xoài (đợt 10), có danh sách kèm theo, cụ thể như sau:

- Tổng số người được hỗ trợ: 447 người.

- Tổng kinh phí hỗ trợ: 343.840.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài; Trung tâm Y tế thành phố Đồng Xoài; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP tỉnh, các Phòng;
- Lưu VT, KGVX.

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Huỳnh Thị Thùy Trang

DANH SÁCH F0 ĐÃ KẾT THÚC ĐIỀU TRỊ TẬP TRUNG ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI (ĐỢT 10)

(Kèm theo Quyết định số 883 /QĐ-UBND ngày 11 /5/2022 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số ngày điều trị, cách ly	Số tiền (đồng)			Ghi chú
		nam	nữ					Tiền ăn	Hỗ trợ thêm	Tổng tiền	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	**DANH SÁCH F0**						**3.436**	**274.880.000**	**0**	**274.880.000**	
1	HOÀNG NGỌC THẢO		2002	Tân Thiện	03/12/2021	14/12/2021	12	960.000		960.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do ngày bắt đầu cách ly điều trị trong QĐ: 03/12/2021
2	NGUYỄN HỮU ĐỒNG	1971		Tiến Hưng	03/12/2021	14/12/2021	12	960.000		960.000	
3	CAO THỊ BỐN		1967	Tiến Hưng	03/12/2021	14/12/2021	12	960.000		960.000	
4	LƯƠNG THỊ THU HIỀN		1994	Tiến Hưng	03/12/2021	14/12/2021	12	960.000		960.000	
5	LÊ VĂN QUÂN	1979		Tân Thiện	04/12/2021	16/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
6	PHẠM THỊ VÂN		1979	Tiến Thành	04/12/2021	16/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
7	PHẠM THÁI PHÚ	1981		BCH	03/12/2021	16/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	giảm 03 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly, điều trị từ trong QĐ: 03/12/2021-16/12/2021
8	HỒ THỊ LIÊN		1974	Tân Phú	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	

9	BÙI THỊ MƠ		1994	Tân Phú	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	
10	THỊ CHÂU		1991	Tân Xuân	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	
11	THẠCH THỊ GÁI		1996	Tiến Hưng	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	
12	LÊ THỊ HƯƠNG		1988	Tiến Thành	04/12/2021	14/12/2021	11	880.000		880.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly, điều trị trong QĐ: 04/12/2021-14/12/2021
13	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾT		1988	Tân Xuân	06/12/2021	14/12/2021	9	720.000		720.000	
14	NGUYỄN NGỌC THANH	1979		Tân Xuân	06/12/2021	14/12/2021	9	720.000		720.000	
15	HUỲNH VĂN LINH	1980		Tân Phú	06/12/2021	14/12/2021	9	720.000		720.000	
16	VŨ THỊ HÀ		1967	Tiến Thành	06/12/2021	14/12/2021	9	720.000		720.000	
17	ĐỖ VĂN THÀNH	1983		Tân Xuân	06/12/2021	16/12/2021	11	880.000		880.000	
18	BẠCH THỊ THOÁNG		1989	Tiến Thành	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly, điều trị trong QĐ: 05/12-14/12/2021
19	ĐÀM NGÂN SÁCH		1989	Tiến Thành	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly, điều trị trong QĐ: 05/12-14/12/2021

20	PHẠM VĂN KIÊN	1984		Tiến Thành	07/12/2021	07/12/2021	1	80.000		80.000	giảm 01 ngày do đã hỗ trợ F0 đợt 6 từ 08/12/2021-14/12/2021
21	MAI THANH TRÚC		1999	Tân Phú	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
22	NGUYỄN VĂN TIẾN	1995		Tiến Hưng	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
23	TRẦN THỊ NHẤT		1983	Tân Xuân	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
24	ĐINH THỊ HẰNG		1982	Tiến Thành	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
25	HÀ THỊ HỌC		1994	Tiến Thành	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
26	BÙI ĐỨC HUY	1989		Tân Bình	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	
27	SƠN THỊ PHONG		1978	Tân Đồng	05/12/2021	14/12/2021	10	800.000		800.000	
28	NGUYỄN VĂN TIẾN	1992		Tiến Hưng	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000		800.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly, điều trị từ trong QĐ: 07/12/2021-16/12/2021
29	VÕ THỊ NHƯ MAI		1971	Tiến Thành	08/12/2021	15/12/2021	8	640.000		640.000	
30	VÕ THỊ THU MINH		1979	Tân Phú	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	

31	NGUYỄN NGỌC VIỆT		2000	Tân Xuân	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
32	TRƯƠNG THỊ DẾ		1967	Tân Hưng	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
33	SẠCH VĂN QUÂN	1982		Tân Thành	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
34	HOÀNG THỊ VIÊN		1990	Tiến Thành	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
35	VÕ VĂN THÀO	1990		Tiến Thành	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
36	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN		2000	Cần Thơ	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
37	NGUYỄN THỊ HẢO		1994	Tiến Hưng	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
38	VŨ NGỌC HUẤN	1985		Tiến Hưng	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
39	NGUYỄN SỸ MẠNH	2003		Tân Xuân	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
40	TẠ VĂN HƠN	1994		Tân Xuân	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	
41	NGUYỄN NGỌC THIỆU	1993		Tân Xuân	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	

42	LÊ VĂN THÂN	1976		Tân Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
43	VŨ TUẤN ANH	1987		Tân Bình	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
44	LÊ THỊ NGỌC DIỄM		1985	Tân Xuân	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
45	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ		2002	Tiến Hưng	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
46	PHÙNG CHI SƠ		1991	Tân Xuân	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
47	LÊ HỮU HUY	1994		Tân Xuân	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
48	TRẦN VĂN QUYẾT	2002		Tiến Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
49	TRẦN THỊ THÚY NGA		1973	Tân Xuân	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
50	ĐƯỜNG THỊ NGÔN		1997	Tiến Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
51	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG		1971	Tiến Hưng	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
52	HOÀNG MINH THỌ	1986		Tân Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	

53	HOÀNG ÍCH SƠN	1991		Tiến Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
54	TRẦN THỊ LÝ		1974	Tân Phú	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	
55	THẠCH TIỀN	1984		Tân Xuân	09/12/2021	12/12/2021	4	320.000		320.000	
56	THẠCH THỊ LÂU		1987	Tân Xuân	09/12/2021	12/12/2021	4	320.000		320.000	
57	CAO THỊ VÂN		1989	Tiến Hưng	10/12/2021	17/12/2021	8	640.000		640.000	
58	LÊ THỊ THÚY HẰNG		1996	Tân Thiện	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000		720.000	giảm 02 ngày so với đề nghị, do thời gian cách ly trong QĐ: 09/12-17/12/2021
59	NGUYỄN THỊ THÚY		1985	Tiến Hưng	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
60	ĐIỂU HỒNG	1996		Tiến Thành	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
61	ĐỖ DOÃN NAM	2000		Tiến Thành	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
62	NGUYỄN THỊ THẮM		1977	Tiến Thành	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
63	NGUYỄN THỊ MỸ LINH		1983	Tân Xuân	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	

64	VŨ THỊ THU THẢO		1993	Tân Đồng	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
65	LÊ THỊ PHƯỢNG		1965	Tiến Hưng	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
66	TRẦN THỊ ĐẸT		1974	Tiến Thành	10/12/2021	18/12/2021	9	720.000		720.000	
67	PHÙNG THỊ CÚC		1993	Tiến Hưng	11/12/2021	18/12/2021	8	640.000		640.000	
68	TRƯƠNG THỊ THU NGA		1970	Tân Xuân	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
69	NGUYỄN THỊ NGUYÊN		2001	Tân Xuân	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
70	THỊ QUÁT		1997	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
71	ĐIỂU HẢI	1995		Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
72	PHAN ĐỨC HIỆP	1994		Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
73	HOÀNG THỊ YẾN LƯƠNG		1988	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
74	LƯƠNG THÙY PHƯƠNG		1986	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
75	HOÀNG THỊ THƯƠNG		1999	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	

76	LÊ THỊ MƠ		2001	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
77	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM		1987	Tân Bình	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
78	VÕ THỊ TRINH		1992	Tân Bình	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
79	LÊ THỊ LIỄU		1977	Tân Đồng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
80	PHẠM THỊ THU TRANG		1987	Tiến Hưng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
81	NGUYỄN THỊ LAN		1997	Tiến Hưng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
82	NGUYỄN THỊ LAN		1990	Tiến Hưng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
83	LÊ THỊ BÉ		1992	Tiến Hưng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
84	NGUYỄN VĂN BÌNH	1996		Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000		720.000	
85	TRIỆU THỊ SÂM		1986	Tiến Thành	12/12/2021	27/12/2021	16	1.280.000		1.280.000	
86	LÊ HOÀNG OANH		2001	Tiến Thành	13/12/2021	21/12/2021	9	720.000		720.000	

87	LƯU XUÂN CƯỜNG	2004		Tiến Thành	13/12/2021	21/12/2021	9	720.000		720.000	
88	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG		1997	Tân Đồng	13/12/2021	21/12/2021	9	720.000		720.000	
89	HOÀNG THỊ MỘNG TIỀN		2001	Tiến Hưng	13/12/2021	21/12/2021	9	720.000		720.000	
90	TRẦN THỊ THU		1995	Tân Xuân	13/12/2021	22/12/2021	10	800.000		800.000	
91	HUỲNH THỊ TƯỜNG VY		1988	Tân Đồng	13/12/2021	22/12/2021	10	800.000		800.000	
92	HỒ THẾ HẢI	1975		Tiến Thành	14/12/2021	16/12/2021	3	240.000		240.000	
93	ĐINH THỊ MỸ LỆ		1987	Tân Xuân	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
94	TRIỆU THỊ YẾN NHI		2002	Tân Thành	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
95	NGUYỄN CẨM NHIÊN		1988	Tân Xuân	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
96	HOÀNG THỊ ĐIỆP		1997	Tân Thành	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
97	PHẠM THỊ BÍCH LIỄU		1985	Tiến Thành	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	

98	BÙI THỊ THẮM		1979	Tiến Thành	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
99	HOÀNG TRỌNG TUẤN ĐẠT	2001		Tân Xuân	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
100	NGUYỄN THỊ VÂN		1992	Tiến Hưng	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
101	NGUYỄN THỊ CÚC		1985	Tiến Hưng	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
102	LIỄU THỊ THỦY		1981	Tiến Hưng	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000		720.000	
103	LÂM THỊ KIM LIÊN		1983	Tân Thiện	14/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
104	NGUYỄN THỊ HIỀN		1969	Tân Xuân	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
105	NGUYỄN THỊ VI		2001	Tân Xuân	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
106	AN THỊ THU THANH		1990	Tân Xuân	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
107	LÂM VŨ PHƯƠNG	1996		Tân Xuân	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
108	TRẦN VIẾT HIỀN	1979		Tiến Thành	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	

109	MA THỊ LỊCH		1995	Tiến Thành	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
110	LÂM BÁ LINH	1994		Tiến Hưng	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
111	TRƯƠNG VĂN PHƯỚC	1996		Tiến Hưng	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
112	HOÀNG THỊ NHIỀU		1976	Tiến Hưng	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
113	HOÀNG THỊ LIÊN		1993	Tiến Hưng	15/12/2021	23/12/2021	9	720.000		720.000	
114	NGUYỄN THỊ THANH LÝ		1993	Tân Phú	15/12/2021	25/12/2021	11	880.000		880.000	
115	TRIỆU THỊ PHÚC		2002	Đồng Tiến	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
116	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC		1996	Tân Thiện	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
117	LÊ THỊ NGỌC SINH		1988	Tân Bình	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
118	TRỊNH MINH HẢI NGỌC		1994	Tân Bình	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
119	NGUYỄN THỊ DUNG		1988	Tân Bình	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	

120	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG		1994	Tân Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
121	TRẦN ANH TUẤN	1996		Tân Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
122	LÊ TẤN VÂN	1973		Tân Xuân	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
123	TRẦN THỊ THANH THÚY		1988	Tân Xuân	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
124	LÂM THỊ NGỌC ANH		2001	Tân Xuân	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
125	BÙI THỊ THANH THƯƠNG		1996	Tân Xuân	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
126	TRẦN PHAN THỊ MỸ THU		1992	Tân Phú	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
127	NGUYỄN THỊ CẨM TIÊN		2002	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
128	LÊ THỊ TÂM		1992	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
129	NGUYỄN THỊ HƯƠNG		1992	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
130	NGUYỄN THANH MAI		1999	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	

131	THỊ PHƯƠNG		1996	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
132	ĐIỂU LÊ	1994		Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
133	LÝ VĂN LONG	1999		Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000		720.000	
134	VÕ THỊ THÀNH		1986	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
135	TẠ THỊ HUYỀN		1980	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
136	NGUYỄN THÚY LÙN		1991	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
137	HUỲNH THỊ KIM THOA		1990	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
138	NGUYỄN CHÍ TÂM	1991		Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
139	LỤC VĂN TRỌNG	1999		Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
140	TÔ VĂN HẢI	1981		Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
141	NGUYỄN ANH TUẤN	1992		Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	

142	HOÀNG THỊ KIỀU		1994	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
143	TẠ VĂN TRÌNH	1977		Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
144	LÊ THỊ UYÊN		2002	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
145	CAO THỊ HIẾU		1979	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
146	LÝ THỊ PHƯƠNG		1990	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
147	LỘC THỊ HỒNG HẠNH		2002	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
148	HỒ THỊ BÉ		1993	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
149	NGUYỄN THỊ NGA		1979	Tân Đồng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
150	TRẦN THỊ PHƯƠNG		1993	Tân Xuân	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
151	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG		1983	Tân Xuân	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
152	LƯƠNG THỊ MỸ HẠNH		2004	Tân Xuân	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	

153	PHẠM VĂN HẬU	1998		Tân Xuân	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
154	NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH		1993	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
155	NÔNG ĐỨC MẠNH	1993		Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
156	HÀ VĂN QUÝ	1980		Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
157	ĐIỀU CHUẨN	1996		Hớn Quản	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
158	TRIỆU THỊ HẠNH		1998	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
159	HOÀNG THỊ GIANG		2002	Tiến Thành	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000		800.000	
160	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ		1998	Tiến Thành	44547,000	26/12/2021	10	800.000		800.000	
161	NGUYỄN THỊ THI		1987	Tân Thiện	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
162	HOÀNG THỊ HƯỜNG		1997	Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
163	NGÔ THỊ NGA		1967	Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	

164	NGUYỄN THỊ HẰNG		1999	Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
165	CHU THỊ BẮC		1985	Tân Phú	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
166	ĐẶNG THỊ HOAN		1980	Tân Phú	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
167	PHẠM THỊ HUYỀN TRÂN		1996	Tân Phú	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
168	NGUYỄN PHÚ QUỐC	1981		Tân Bình	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
169	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ		2001	Tân Bình	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
170	NGUYỄN THỊ LƯƠNG		1985	Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
171	THỊ HẠNH		1989	Tân Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
172	TRẦN THỊ KHUYÊN		1978	Tân Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
173	PHẠM HÀ THÙY TRANG		1997	Tân Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
174	PHẠM THỊ PHƯƠNG		1978	Tiến Hưng	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	

175	NGUYỄN THU HIỀN		2002	Tiến Hưng	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
176	LÂM VĂN VŨ LINH	1993		Tiến Hưng	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
177	KHỔNG THỊ MỘNG LÂN		1990	Tân Phú	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
178	VŨ THỊ TRANG		2000	Tân Phú	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
179	PHẠM HUỲNH PHI VŨ	1994		Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000		640.000	
180	NGÔ THỊ NAM		1994	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
181	HOÀNG THỊ CẢNH		1983	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
182	NGUYỄN XUÂN HƯNG	1998		Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
183	NGUYỄN TẤN TIẾN	1977		Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
184	LÂM HOÀNG PHƯƠNG	1963		Tân Bình	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
185	LÊ HỒNG HẠNH		1985	Tân Bình	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	

186	TÔN NỮ TÚ OANH		1992	Tân Bình	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
187	LÊ THỊ THÙY TRANG		1992	Tân Bình	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
188	MÔNG THỊ HẠNH		1995	Tân Bình	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
189	LÝ TRỌNG TUẤN	1992		Tân Xuân	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
190	LÊ HUYỀN TRÂN		2002	Tân Xuân	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
191	TÔ ÁNH HỒNG		1999	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
192	CHU THỊ HƯỚNG		1999	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
193	LÔ THỊ TÌNH		1984	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
194	CAO THỊ THU		1972	Tiến Hưng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
195	ĐOÀN THỊ KIM ANH		1988	Tiến Hưng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
196	NGUYỄN THỊ TƯƠI		1980	Tiến Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	034190010965

197	LÊ THỊ HUỆ		1990	Tiến Hưng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
198	BÒ VĂN TÌNH	1997		Tiến Hưng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
199	ĐIỀU TÁN	1991		Tân Thành	19/12/2021	26/12/2021	8	640.000		640.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do đã hỗ trợ F0 tại nhà đợt 2 từ ngày 27/12/2021-31/12/2021
200	THỊ NHI		1993	Tân Thành	19/12/2021	26/12/2021	8	640.000		640.000	giảm 01 ngày so với đề nghị, do đã hỗ trợ F0 tại nhà đợt 2 từ ngày 27/12/2021-31/12/2021
201	CHUNG THỊ LIÊN		1988	Tân Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
202	BÙI VIẾT LÂM	1995		Tân Thành	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
203	MAI VĂN SƠN	1993		Tân Đồng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
204	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG		2002	Tân Đồng	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
205	LÊ THỊ THU THỦY		1995	Tân Phú	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000		720.000	
206	TRƯƠNG THỊ THU VY		1990	Tân Phú	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
207	MÔNG THỊ DÀNH		1994	Tân Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	

208	HOÀNG THỊ SIM		1990	Tân Thiện	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
209	ÂN DUY KHÀI	1987		Tân Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
210	NÔNG HOÀNG THỜI	2002		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
211	HỨA VĂN TÂN	2002		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
212	NÔNG VĂN LƯƠNG	1989		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
213	TRẦN HẢI HÀ	1987		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
214	HOÀNG THỊ HÀ		1982	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
215	ĐÀM THỊ HUỆ		2001	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
216	VŨ THỊ THANH HẰNG		1996	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
217	LÊ THỊ HOA		1960	Tân Xuân	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
218	LANG THỊ DƯƠNG		1994	Tân Xuân	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	

219	NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ		1998	Tiến Hưng	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
220	ĐẶNG THỊ THU		1997	Tiến Hưng	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
221	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG		1987	Tân Xuân	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
222	NGUYỄN HỒNG TƯƠI		1992	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
223	VÕ NHƯ KHUYÊN		2001	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
224	LÂM KIỀU MY		2002	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
225	TÔ PHÚC HUY	1994		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
226	ĐẶNG THỊ HOÀI PHƯƠNG		1997	Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
227	HOÀNG MINH HẢI	1992		Tiến Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
228	NGUYỄN THỊ NGA		1975	Tân Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
229	LƯƠNG THỊ DIỄM		1985	Tân Thành	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	

230	PHẠM THỊ LÀI		1970	Tân Xuân	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000		720.000	
231	VƯƠNG THỊ LƯU		1998	Tân Đồng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
232	DƯƠNG MINH THÁI		1973	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
233	ĐINH KIM PHỤNG		1967	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
234	HUỲNH THÚY KIỀU		1999	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
235	NGUYỄN VĂN TOÁN	1993		Tân Thành	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
236	PHẠM HUỲNH NHƯ		1995	Tiến Thành	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
237	ĐINH SONG HÀO	1984		Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
238	NGUYỄN VĂN AN	1993		Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
239	NGUYỄN THỊ THU THẢO		1993	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
240	HOÀNG THỊ DANH		1997	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	

241	LÂM THỊ TRÚC LIÊU		1985	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
242	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH		1986	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
243	NGUYỄN THỊ UYÊN		1982	Tân Bình	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
244	NGUYỄN THỊ BÌNH PHƯƠNG		1992	Tân Bình	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
245	TRƯƠNG VĂN CẢNH	1982		Tân Thành	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
246	LÊ VIỆT GIÀU	2000		Tiến Thành	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
247	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	1991		Tân Xuân	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
248	THẠCH PHÂN	1978		Tân Xuân	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
249	ĐÀM VĂN SƠN	1989		Tân Xuân	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
250	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ		1976	Tân Xuân	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
251	NGUYỄN THỊ THƠM		1977	Tân Bình	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	

252	HỨA THỊ HẰNG		2002	Tiến Thành	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
253	NGUYỄN KHÁNH THUẦN HẠNH		1994	Tân Bình	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
254	VŨ THỊ THỦY		1991	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
255	NGUYỄN QUỐC CẢNH	1997		Tân Xuân	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
256	NGÔ VĂN TOÀN	1962		Tân Đồng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
257	HOÀNG THỊ LẠC		1969	Tân Bình	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
258	HÀ THỊ THU		1990	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
259	LÊ ĐĂNG HÒA	1979		Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
260	CAO THỊ NGÂN		1983	Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000		800.000	
261	NGUYỄN THỊ LỆ MỸ		1992	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
262	LÊ THỊ HỒNG		1993	Tân Phú	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	

263	NGUYỄN THỊ LỆ HẰNG		1992	Tân Đồng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
264	ĐÀM THỊ LÊN		1989	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
265	ĐINH THỊ HẢI		1980	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
266	PHẠM THỊ THU THỦY		1994	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
267	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG		1989	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
268	LÊ THỊ LUYẾN		1995	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
269	LÊ THANH TIỀN	1993		Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
270	LÊ PHONG TẤN	1985		Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
271	LÊ VĂN LONG	1990		Tân Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
272	PHAN HOÀNG TÂN	2002		Tân Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
273	PHẠM THỊ KIỀU PHƯỚC		1998	Tân Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	

274	THẠCH THỊ NGÂN		2002	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
275	ĐÀO VĂN DŨNG		1990	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
276	NGUYỄN VĂN SANG		1994	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
277	TRẦN THỊ THÊM		2001	Tân Xuân	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
278	TẠ THỊ HẰNG		1981	Tân Xuân	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
279	ĐÀO THỊ NHÀN		2002	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
280	NGUYỄN THỊ KIM YÊN		2000	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
281	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT		2002	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
282	DƯƠNG THỊ NƯỚC		1976	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
283	THÂN VĂN HÙNG	1987		Tân Bình	22/12/2021	28/12/2021	7	560.000		560.000	

284	NGUYỄN THỊ VÂN		1979	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
285	ĐINH THỊ HIỀN		1979	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
286	NÔNG THỊ HƯƠNG		1999	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
287	LƯƠNG THỊ THI HẠ		2001	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
288	LIỄU NGỌC THÂN		1992	Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
289	ĐIỂU ANH	1987		Tiến Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
290	THẠCH DẦN	1998		Tân Xuân	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000		800.000	
291	TRƯƠNG ĐÌNH VUI	1962		Tân Thiện	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
292	LƯU NGỌC TÙNG	1956		Tân Phú	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
293	HÀ VĂN LƯU	1997		Tiến Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	

294	LÊ THỊ ĐÀO		1980	Tiến Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
295	ĐIỂU THỊ BÉ PHƯƠNG		1993	Tiến Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
296	TRƯƠNG THỊ NHI		1995	Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
297	HOÀNG THỊ NGÂN		1989	Tiến Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
298	NGUYỄN THỊ TUYẾN		1978	Tiến Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
299	LÊ THỊ THU THẢO		1992	Tân Bình	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
300	BÙI ĐỨC TRƯỜNG	1967		Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
301	ĐỖ HỮU TRÌNH	1969		Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
302	NGUYỄN BỈNH KHIÊM	1979		Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
303	HUỲNH MINH TRUNG	1966		Tân Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
304	TÔ VĂN ĐÔNG	1996		Tân Thành	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	

305	NGUYỄN THỊ LIÊN		1963	Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
306	TRẦN THỊ DIỆU OANH		1993	Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000		720.000	
307	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG		1963	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
308	CHU THỊ HƯƠNG		1971	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
309	HOÀNG KIM QUY		1989	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
310	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN		2002	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
311	NGUYỄN THỊ THẢO LY		1999	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
312	ĐÀM THỊ CHIÊN		1969	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
313	PHẠM THỊ KIM NGÂN		1996	Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
314	TRIỆU THỊ NHUNG		1986	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
315	ĐỖ THỊ HỒNG		1991	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	

316	NÔNG THỊ HOA		2001	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
317	TRẦN THỊ TÁM		1971	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
318	ĐÀO THỊ HIÊN		1992	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
319	NÔNG VĂN TRUNG	1992		Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
320	PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT		1997	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
321	NGUYỄN DUY HUY	1996		Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
322	PHẠM ĐỨC BÌNH	1977		Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
323	TRẦN THỊ NGỌC MINH		1979	Tiến Thành	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000		640.000	
324	TRƯƠNG THỊ HOA		1964	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
325	VŨ THỊ CHIÊN		1970	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
326	ĐINH THỊ LOAN		1968	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	

327	TRẦN THANH KIÊN	1979		Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
328	NGUYỄN THỊ HOA HƯỜNG		1994	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
329	LÝ THỊ DIỆU TRÂM		2000	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
330	LÊ THỊ HIỀN		1995	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
331	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG		1994	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
332	THỊ DINH		1990	Tiến Hưng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
333	PHẠM THỊ HƯƠNG QUỲNH		1998	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
334	HỨA THỊ HOẠCH		1993	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
335	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG		1989	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
336	HỨA THỊ QUỲNH		1992	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
337	DƯƠNG VĂN CHIẾN	1998		Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	

338	PHẠM VĂN ĐÔNG	1994		Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
339	NGUYỄN TRỌNG QUÝ	2002		Phú Riềng	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
340	NGUYỄN THỊ NHANH		1980	Tân Xuân	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
341	NGUYỄN THỊ HẠNH HIẾU		2002	Tân Xuân	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
342	PHẠM VIỆT HÒA	1982		Tân Xuân	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
343	THỊ HEN		1993	Hớn Quản	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000		560.000	
344	LÊ NGUYỄN PHÚ KHÁNH	2002		Tân Thiện	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
345	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT		1999	Tân Thiện	26/12/2021	01/04/2022	6	480.000		480.000	
346	RƠ BĂM H'ANHEO		1998	Tiến Hưng	26/12/2021	01/04/2022	6	480.000		480.000	
347	HOÀNG THỊ LỢI		1989	Tiến Hưng	26/12/2021	01/04/2022	6	480.000		480.000	
348	VÕ HOÀNG ÁNH		2000	Tiến Hưng	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	

349	TRẦN THỊ HƯỜNG		1985	Tân Xuân	26/12/2021	01/04/2022	6	480.000		480.000	
350	LÊ THỊ VŨ HẠNH		1979	Tân Bình	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
351	LÊ NGỌC PHI	2001		Tân Phú	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
352	TRẦN THÀNH AN	1968		Tân Bình	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
353	TRƯƠNG THỊ BÍCH		1985	Tiến Hưng	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
354	HỒ THỊ NHÀN		1979	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
355	ĐỖ THỊ LAN ANH		2000	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
356	PHẠM THỊ NGỌC NHUẦN		1982	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
357	HOÀNG THỊ KHUYÊN		1989	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
358	LỤC THỊ ĐIỀU		1996	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
359	PHÙNG THỊ OANH		1989	Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	

360	NGUYỄN VĂN NGHĨA	1987		Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
361	NGUYỄN KHẮC LŨY	1986		Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
362	PHẠM GIA HOÀNG	1998		Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
363	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	2000		Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
364	TÔN THẤT HUY	1999		Tiến Thành	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
365	THÒNG QUỐC THÀNH	2002		Tiến Hưng	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
366	NGUYỄN THỊ THU HẰNG		1994	Tân Đồng	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000		480.000	
367	TRẦN THỊ LẢN		1972	Tiến Hưng	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
368	ĐINH THỊ HOA		1994	Tân Xuân	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
369	DƯƠNG LỤC HOÀN	1972		Tiến Hưng	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
370	PHẠM VĂN SỬ	1971		Tân Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	

371	HOÀNG VĂN HÒA	1984		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
372	NÔNG THỊ HÀ		1982	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
373	ĐẶNG THỊ OANH		1995	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
374	ĐỖ THỊ THƯƠNG		1983	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
375	ĐẶNG THÙY LINH		1981	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
376	LƯƠNG THỊ CẨM NGÂN		1998	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
377	BÙI THỊ NGỌC TRÂM		1995	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
378	CAO THỊ TUYẾN		1982	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
379	HOÀNG THỊ THANH AN		2000	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
380	MÔNG VĂN CẢNH	1993		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
381	HÀ MẢN XUYÊN	1997		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	

382	PHÍ VĂN HẢI	1994		Tân Thiện	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
383	NGUYỄN ĐÌNH TIỆP	1992		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
384	THỊ THAO		1993	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
385	HOÀNG VĂN LÊ	1992		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
386	NGUYỄN THỊ HỒNG		1984	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
387	LÊ VĂN TUẤN	1987		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
388	TRẦN LONG KHÁNH	1992		Tân Bình	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
389	BÙI THỊ TRINH		1991	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
390	PHẠM THỊ NGỌC THÚY		1993	Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000		400.000	
391	TRẦN THỊ HOA		1984	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
392	TĂNG BẠC MÙI	1971		Tân Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	

393	HUỲNH THỊ NGỌC HIỀN		1990	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
394	LÊ THỊ KIM LIÊN		1996	Tiến Hưng	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
395	HOÀNG THỊ THANH		1991	Tân Xuân	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
396	ĐIỂU THỊ HẠNH		2002	Tan Xuân	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
397	THẠCH THỊ HOA		1990	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
398	LÊ THỊ THU NGA		1994	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
399	NGUYỄN THỊ NÔNG TRANG		1982	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
400	NGUYỄN THỊ THU THẢO		2002	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
401	THẠCH THỊ THIẾT		2001	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
402	LỤC VĂN CHIẾN	1996		Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
403	NGUYỄN HỮU NAM	1999		Tiến Hưng	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	

404	HOÀNG MỸ HẢO		1996	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000		320.000	
405	PHAN DUY ĐỨC	24/11/2005		Tân Phú	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000		720.000	không thuộc đối trượng hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng do trên 16 tuổi
II	**DANH SÁCH TRẺ EM F0**						**337**	**26.960.000**	**42.000.000**	**68.960.000**	
406	NGUYỄN DIỆU LINH		2016	Tân Xuân	03/12/2021	08/12/2021	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
407	TRẦN THỊ THANH HUYỀN		2006	Tiến Hưng	03/12/2021	14/12/2021	12	960.000	1.000.000	1.960.000	
408	NGUYỄN NGỌC THỦY TIÊN		2013	Tiến Thành	04/12/2021	16/12/2021	13	1.040.000	1.000.000	2.040.000	
409	NGUYỄN VĂN ĐẠT	2007		Tân Xuân	04/12/2021	06/12/2021	3	240.000	1.000.000	1.240.000	
410	ĐÀM THANH QUÝ	2013		Tiến Thành	05/12/2021	14/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
411	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	2012		Tiến Thành	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
412	ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH		2007	Tân Xuân	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
413	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG NHI		2010	Tân Xuân	07/12/2021	16/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
414	NGUYỄN ĐỨC HƯNG	2018		Tiến Thành	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	

415	TẠ NHẬT MINH	2019		Tân Xuân	08/12/2021	16/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
416	TRẦN THỊ CẨM LY		2016	Tiến Thành	09/12/2021	17/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
417	NGUYỄN HỮU ĐỊNH QUỐC	2020	2020	Tiến Thành	10/12/2021	15/12/2021	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
418	NGUYỄN LÊ HOÀI AN	2015		Tiến Hưng	12/12/2021	13/12/2021	2	160.000	1.000.000	1.160.000	
419	NGUYỄN SỸ KHANG	2019		Tiến Hưng	12/12/2021	13/12/2021	2	160.000	1.000.000	1.160.000	
420	TRẦN THỊ NGỌC HÀ		2010	Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
421	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM		2015	Tân Bình	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
422	NGUYỄN MINH LUÂN	2008		Tân Bình	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
423	NGUYỄN HỮU DUY	2020		Tiến Hưng	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
424	HOÀNG ĐỨC THẮNG	2006		Tiến Thành	12/12/2021	20/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
425	HOÀNG THỊ NGỌC ÁNH		2014	Tân Thành	14/12/2021	22/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	

426	THÁI CÔNG PHÚC	2015		Tân Bình	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
427	THÁI CÔNG VŨ HÀ		2018	Tân Bình	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
428	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM		2012	Tiến Thành	16/12/2021	24/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
429	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG		2015	Tiến Hưng	17/12/2021	26/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
430	LÊ THỊ THÙY TIÊN		2008	Tiến Thành	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000	1.000.000	1.640.000	
431	NGUYỄN QUỐC THÁI	2008		Tân Bình	18/12/2021	25/12/2021	8	640.000	1.000.000	1.640.000	
432	LÊ VINH HẢI KIÊN	2007		Tân Phú	19/12/2021	27/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
433	NGUYỄN THỊNH	2021		Tân Xuân	20/12/2021	28/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
434	LÂM THIÊN PHÚC	2020		Tiến Hưng	21/12/2021	30/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
435	TRIỆU YẾN VY		2011	Tiến Hưng	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
436	LÊ VĂN THIÊN	2018		Tân Thành	22/12/2021	31/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	

437	TRƯƠNG PHẠM ĐÌNH PHƯỚC	2009		Tân Thiện	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
438	NGUYỄN QUỲNH ANH		2020	Tiến Hưng	23/12/2021	01/01/2022	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
439	NGUYỄN TRẦN QUỐC AN	2016		Tiến Hưng	24/12/2021	02/01/2022	8	640.000	1.000.000	1.640.000	
440	NGUYỄN THỊ NGỌC TIÊN		2010	Tân Bình	24/12/2021	30/12/2021	7	560.000	1.000.000	1.560.000	SĐT: 0908515988
441	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	2007		Tân Xuân	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000	1.000.000	1.560.000	
442	LÊ PHẠM TUỆ NHI		2018	Tiến Thành	25/12/2021	03/01/2022	7	560.000	1.000.000	1.560.000	
443	TRẦN NHƯ QUỲNH		2008	Tân Bình	26/12/2021	04/01/2022	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
444	TRẦN NGỌC TRUNG KIÊN	2020		Tân Đồng	26/12/2021	06/01/2022	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
445	BÙI QUANG VINH	2009		Tiến Thành	27/12/2021	05/01/2022	5	400.000	1.000.000	1.400.000	
446	DƯƠNG THỊ TRÚC LINH		2016	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000	1.000.000	1.320.000	
447	DƯƠNG THỊ MAI LINH		2018	Tiến Thành	28/12/2021	06/01/2022	4	320.000	1.000.000	1.320.000	
TỔNG CỘNG: 447 NGƯỜI **Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng./.**							**3.773**	**301.840.000**	**42.000.000**	**343.840.000**	